

**NGHỊ ĐỊNH số 619-NV ngày 8-12-1959**  
 hợp nhất hai phòng Thương binh và  
 Phục viên thành Phòng Thương binh  
 và phục viên thuộc vụ Thương binh  
 và phục viên Bộ Nội vụ.

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

*Căn cứ sắc lệnh số 58-SL ngày 3 tháng 5 năm 1946 tổ chức Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ nghị định số 208-TTg ngày 30 tháng 5 năm 1959 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Vụ Thương binh và Phục viên thuộc Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ nghị định số 490-NV ngày 26 tháng 8 năm 1959 của Bộ Nội vụ quy định nhiệm vụ cụ thể và tổ chức bộ máy của Vụ Thương binh và Phục viên;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Vụ Thương binh và Phục viên;*

*Đề tiếp tục công tác kiện toàn tổ chức;*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** — Nay hợp nhất hai Phòng Thương binh và Phục viên thành Phòng Thương binh và Phục viên thuộc Vụ Thương binh và Phục viên Bộ Nội vụ.

**Điều 2.** — Phòng Thương binh và Phục viên vẫn tiếp tục làm nhiệm vụ của hai Phòng Thương binh và Phục viên cũ đã đề ra trong nghị định 490-NV ngày 26 tháng 8 năm 1959 của Bộ Nội vụ.

**Điều 3.** — Phòng Thương binh và Phục viên sẽ do một Trưởng phòng phụ trách và một hoặc hai Phó phòng giúp việc.

**Điều 4.** Các ông Chánh văn phòng, Giám đốc Vụ Thương binh và Phục viên, Trưởng phòng, Tổ chức Cán bộ Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 8 tháng 12 năm 1959

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thủ trưởng

**TÔ QUANG ĐẦU**

**NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM**

**NGHỊ ĐỊNH số 164-VP/NGĐ ngày 18 tháng 11 năm 1959** thành lập các Chi kho phát hành ở các tỉnh Lào cai, Thái bình, Hà tĩnh, Sơn tây, Cao bằng, Hưng yên, Phú thọ và ở Khu Tự trị Thái Mèo.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM**

*Căn cứ sắc lệnh số 15-SL ngày 6-5-1951 thiết lập Ngân hàng Quốc gia Việt nam;*

*Căn cứ nghị định số 94-TTg ngày 29-5-1951 của Thủ tướng Chính phủ ấn định chi tiết tổ chức Ngân hàng Quốc gia Việt-nam;*

*Căn cứ tình hình phát triển sản xuất và lưu thông hàng hóa;*

*Xét nhu cầu công tác;*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** — Bắt đầu từ 1-12-1959 thành lập các Chi kho phát hành đặt tại các Chi điểm kê tên sau:

1. Chi điểm Mường khương } thuộc Chi nhánh Lào cai
2. Chi điểm Tiên hải } thuộc Chi nhánh Thái bình
3. Chi điểm Hưng nhân } thuộc Chi nhánh Hà tĩnh
4. Chi điểm Kỳ anh } thuộc Chi nhánh Sơn tây
5. Chi điểm Thạch thất } thuộc Chi nhánh Cao bằng
6. Chi điểm Phúc thọ } thuộc Chi nhánh Khu Tự trị Thái Mèo
7. Chi điểm Phúc hòa } thuộc Chi nhánh Hưng yên
8. Chi điểm Mộc châu } thuộc Chi nhánh Phú thọ
9. Chi điểm Mường la } thuộc Chi nhánh Phú thọ
10. Chi điểm Điện biên } thuộc Chi nhánh Phú thọ
11. Chi điểm Ân thi } thuộc Chi nhánh Phú thọ
12. Chi điểm Kim động } thuộc Chi nhánh Phú thọ
13. Chi điểm Mỹ hào } thuộc Chi nhánh Phú thọ
14. Chi điểm Văn lâm } thuộc Chi nhánh Phú thọ
15. Chi điểm Văn giang } thuộc Chi nhánh Phú thọ
16. Chi điểm Khoái châu } thuộc Chi nhánh Phú thọ
17. Chi điểm Phù cử } thuộc Chi nhánh Phú thọ
18. Chi điểm Thanh sơn } thuộc Chi nhánh Phú thọ
19. Chi điểm Thanh thủy } thuộc Chi nhánh Phú thọ

**Điều 2.** — Cử các ông Trưởng Chi điểm nói trên kiêm nhiệm Chủ nhiệm Chi kho phát hành buyen.

**Điều 3.** — Các ông Chủ nhiệm Tổng kho phát hành, Chánh Văn phòng Ngân hàng Quốc gia Việt nam, Trưởng Chi nhánh và Trưởng Chi điểm có tên kê trên, chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 18 tháng 11 năm 1959

Tổng Giám đốc

Ngân hàng quốc gia Việt nam

**LÊ VIỆT LƯỢNG**

**NGHỊ ĐỊNH số 181-VP-Ngđ ngày 5-12-1959** ban hành quy tắc quỹ tín dụng nhân dân miền núi.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM**

*Căn cứ quy tắc tổ chức Hợp tác xã tín dụng nông thôn do Thủ tướng Chính phủ ban hành số 739-TTg ngày 17-4-1956;*



\* Căn cứ công văn số 418-TTg ngày 25-11-1959 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ngân hàng quốc gia Việt nam trung ương được ban hành bản quy tắc tổ chức quỹ tín dụng nhân dân miền núi;

Đề giúp nhân dân miền núi giải quyết khó khăn trong sinh hoạt, đẩy mạnh sản xuất, đi vào con đường làm ăn tập thể theo hướng xã hội chủ nghĩa ở toàn miền Bắc Việt-nam;

### NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành quy tắc quỹ tín dụng nhân dân miền núi kèm theo nghị định này.

Điều 2. — Quy tắc này được áp dụng kể từ ngày ban hành.

Điều 3. — Ông Chánh văn phòng Ngân hàng trung ương, ông Giám đốc Cục Tín dụng Nông thôn và các ông Chủ tịch Ủy ban Hành chính các tỉnh thuộc miền núi chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 5 tháng 12 năm 1959

Tổng Giám đốc

Ngân hàng Quốc gia Việt nam

LÊ VIẾT LƯỢNG

## QUY TẮC TỔ CHỨC QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN MIỀN NÚI

### CHƯƠNG I

#### NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC

Điều 1. — Quỹ tín dụng nhân dân miền núi, (gọi tắt là quỹ tín dụng) là một tổ chức tương trợ của nông dân lao động và các tầng lớp lao động khác ở nông thôn miền núi, mục đích, tập trung tiền tạm thời nhàn rỗi của nhân dân để giải quyết khó khăn trong sản xuất và sinh hoạt, đồng thời hướng dẫn nhân dân đi vào con đường làm ăn tập thể tương trợ theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Điều 2. — Tổ chức phải theo đúng nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Nông dân lao động và những người dân nghèo ở nông thôn từ 16 tuổi trở lên (trừ những người mất quyền công dân) đều có thể tùy ý xin vào quỹ tín dụng mà không bao giờ bắt buộc ai gia nhập theo ý mình.

Điều 3. — Quỹ tín dụng lấy bản, thôn, liên bản, liên thôn làm đơn vị tổ chức. Trường hợp ở những vùng dân cư tập trung, việc đi lại dễ dàng, trình độ cán bộ và nhân dân khá thì có thể thống nhất lên xã làm cơ sở tổ chức cao nhất về quỹ tín dụng. Ở dưới quỹ tín dụng, có các tổ tín dụng tổ chức theo tổ lao động, tổ sản xuất hay theo đơn vị xóm.

Quỹ tín dụng là một tổ chức độc lập về vốn và tài vụ kế toán, song về mặt tổ chức và hình thức hoạt động có thể tổ chức riêng theo đơn vị bản, thôn, liên bản hay liên thôn, trong trường hợp đó thì ở xã không có Ban quản trị mà do chính quyền xã cử cán bộ phụ trách, lãnh đạo đôn đốc các quỹ tín dụng trong xã thực hiện nhiệm vụ, nắm tình hình và phản ảnh đều kỳ lên cấp trên. Nhưng tùy điều kiện từng nơi, tổ tín dụng cũng có thể lồng vào các Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Nơi nào quỹ tín dụng đã lồng vào Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thì Ban quản trị Hợp tác xã sản xuất có thể kiêm cả nhiệm vụ quản trị quỹ tín dụng, nhưng có phân công một hay hai ủy viên chuyên trách công tác quỹ tín dụng để đảm bảo tính chất độc lập của nó.

Điều 4. — Đại hội đại biểu tổ viên hay đại hội tổ viên là cơ quan có quyền hạn cao nhất có nhiệm vụ:

- Thông qua hay sửa đổi điều lệ.
- Thảo luận chương trình công tác, khen thưởng hay thi hành kỷ luật cán bộ và tổ viên, bầu cử hay bãi miễn Ban quản trị và các nhân viên kiểm soát.
- Xây dựng các kế hoạch cho vay, huy động vốn, ấn định mức lãi cho vay và tiền gửi theo sự hướng dẫn của Ngân hàng.
- Đại hội đại biểu tổ viên hay đại hội tổ viên họp 6 tháng họp một lần. Nếu cần thì có thể họp bất thường.

### CHƯƠNG II

#### A. NHIỆM VỤ CỦA BAN QUẢN TRỊ VÀ TỔ VIÊN

##### a) Ban Quản trị.

Điều 5. — Ban quản trị ở xã gồm có: 1 chủ nhiệm lãnh đạo chung, 1 phó chủ nhiệm kiêm thủ quỹ, 1 thư ký kế toán và một số ủy viên; ngoài ra còn có một số nhân viên kiểm soát giúp việc. Mỗi ủy viên trong Ban quản trị được chỉ định phụ trách một thôn, bản. Ở những thôn, bản không có ủy viên quản trị phụ trách có thể đặt 1 ủy viên trực tiếp điều khiển sinh hoạt và đôn đốc các tổ tín dụng trong thôn, bản thực hiện công tác.

Trường hợp các quỹ tín dụng tổ chức theo đơn vị bản, thôn hoặc liên bản, liên thôn thì Ban quản trị này gồm có: 1 chủ nhiệm lãnh đạo chung kiêm thủ quỹ, 1 thư ký kế toán, ngoài ra có các ủy viên trong Ban quản trị giúp việc mà không có Ban kiểm soát.

Ban quản trị có nhiệm vụ:

- Chấp hành nghị quyết của đại hội đại biểu tổ viên hay đại hội toàn thể tổ viên.
- Kiểm tra đôn đốc việc chấp hành nghị quyết của đại hội.



3. Báo cáo tình hình hoạt động công tác của quỹ cho đại hội và cho chính quyền, Ngân hàng địa phương (nơi nào chưa có chi điểm Ngân hàng ở huyện thì báo cáo cho Chi nhánh Ngân hàng tỉnh thông qua Ủy ban Hành chính Huyện).

4. Xét duyệt các đơn vay, quyết định cho vay, theo dõi sử dụng vốn, đôn đốc thu nợ,

5. Giữ gìn tài sản, tiền bạc không để mất mát, hao hụt.

6. Tuyên truyền giải thích chính sách, kết nạp tổ viên mới.

7. Nhiệm kỳ của Ban quản trị là một năm (tức là qua hai thời vụ nông nghiệp); Ban quản trị sinh hoạt một tháng một lần (nếu cần thì họp bất thường). Hội nghị do Chủ nhiệm quỹ tin dụng triệu tập.

#### b) Tổ trưởng.

*Điều 6.* — Mỗi tổ tin dụng có 1 tổ trưởng và 1 tổ phó do các tổ viên bầu ra để lãnh đạo tổ (nơi đã sát nhập vào Hợp tác xã nông nghiệp thì tổ trưởng tổ lao động kiêm tổ trưởng tổ tin dụng).

Tổ trưởng có nhiệm vụ:

1. Đi sát tìm hiểu khả năng từng tổ viên và nhân dân trong phạm vi mình phụ trách để tuyên truyền vận động gửi tiền, tìm hiểu khó khăn thiếu thốn của tổ viên để hướng dẫn góp ý kiến cho tổ nhận xét và giới thiệu lên Ban Quản trị vay tiền. Theo dõi sử dụng tiền vay đúng mục đích, đôn đốc trả nợ đúng hạn.

2. Truyền đạt các nghị quyết của Ban quản trị để tổ viên thi hành và thu nhận ý kiến của tổ viên phản ánh lên Ban quản trị để giải quyết, triệu tập và chủ trì các cuộc hội nghị tổ. Nhiệm kỳ của tổ trưởng là 6 tháng (sau mỗi vụ làm mùa) bầu lại một lần. Tổ tin dụng mỗi tháng sinh hoạt 2 lần (trừ trường hợp bất thường).

#### c) Tổ viên.

*Điều 7.* — Mỗi người vào quỹ tin dụng phải có tổ viên cũ giới thiệu và nộp tiền cổ phần từ 1đ đến 3đ và 0đ20 xã phí. Nếu tổ viên xin ra quỹ tin dụng và khi được phép ra thì phải trả lại tiền cổ phần của họ. Nếu tổ viên chết sẽ trả lại tiền cổ phần cho người thừa kế (cha mẹ, vợ con, anh em ruột). Nếu tổ viên chuyển đi nơi khác thì được trả lại tiền cổ phần hoặc chuyển đến quỹ tin dụng nơi đến. Tiền xã phí không trả lại.

*Điều 8.* — Tổ viên được quyền bầu cử, ứng cử vào Ban quản trị, thảo luận, đề nghị, phê bình, kiểm soát về mọi mặt công việc của quỹ tin dụng và được hưởng các quyền lợi khác như: vay tiền quỹ tin dụng, chia lãi, v.v... Khi có thành tích công tác thì được biểu dương, khen thưởng.

*Điều 9.* — Tổ viên có nhiệm vụ tuân theo điều lệ, nội quy của quỹ, bảo vệ tài sản, tuyên truyền và phổ biến các chính sách, tham gia gửi tiền và vận động người khác gửi tiền, dùng tiền vay đúng mục đích, trả nợ đúng hạn, giới thiệu tổ viên mới.

Tổ viên phạm lỗi sẽ tùy trường hợp nặng hay nhẹ được phê bình giáo dục hoặc bị thi hành kỷ luật từ hình thức cảnh cáo đến khai trừ ra khỏi quỹ tin dụng.

### B. NHIỆM VỤ CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ ĐỊA PHƯƠNG VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

*Điều 10.* — Các cấp chính quyền, đoàn thể địa phương có nhiệm vụ, lãnh đạo các quỹ, tổ tin dụng tiến hành đúng đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn miền núi, chấp hành đầy đủ các chính sách tiền tệ và tín dụng của Nhà nước, theo dõi tình hình hoạt động các quỹ tin dụng trong phạm vi của địa phương, báo cáo kịp thời lên cấp trên và Ngân hàng các cấp.

*Điều 11.* — Ngân hàng có nhiệm vụ giúp đỡ các cấp chính quyền và đoàn thể địa phương tổ chức và xây dựng các quỹ tin dụng, hướng dẫn và đào tạo cán bộ về chuyên môn và kiểm tra theo dõi, đồng thời giúp đỡ các quỹ tin dụng, hướng dẫn thực hiện nghiệp vụ về hóa tệ và tín dụng ở nông thôn thực hiện chỉ tiêu kế hoạch thức đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa ở địa phương mình.

#### CHƯƠNG III

### VỐN, MỨC LÃI, CHẾ ĐỘ SỔ SÁCH VÀ QUYẾT TOÁN

*Điều 12.* — Vốn của quỹ tin dụng gồm có: vốn tự có và vốn huy động.

Vốn tự có gồm: tiền cổ phần, xã phí, vốn tích lũy. Vốn huy động gồm: tiền gửi của xã viên và nhân dân, cùng các khoản tiền gửi khác như: tiền các quỹ công, các quỹ đoàn thể.

Khi cần có thể vay thêm vốn của Ngân hàng.

*Điều 13.* — Mức lãi cho vay và tiền gửi của quỹ tin dụng tùy theo tình hình cụ thể của từng địa phương mà định cho thích hợp theo sự hướng dẫn của chi nhánh Ngân hàng tỉnh theo nguyên tắc: mức lãi cho vay phải thấp hơn mức lãi thị trường, mức lãi tiền gửi phải thấp hơn mức lãi cho vay.

*Điều 14.* — Sổ sách kế toán phải đơn giản, bố trí tài khoản và ghi chép số liệu phải thích hợp với trình độ cán bộ, nhân dân miền núi.

Việc thu chi phải rành mạch, có chứng nhận của Ban quản trị hoặc có hóa đơn, để làm chứng từ.

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-38456684



**Điều 15.** — Quỹ tín dụng cuối năm phải quyết toán lỗ lãi. Nếu có lãi thì 50% dùng để phụ cấp cho cán bộ thường trực, còn 50% bỏ vào vốn tích lũy nhằm tăng thêm vốn hoạt động của quỹ tín dụng. Nơi nào quần chúng yêu cầu thì có thể trích từ 10% đến 30% tổng số lãi chia cho các cổ phần tử viên (trường hợp này phải bớt phần lãi bỏ vào tích lũy). Nếu bị lỗ thì mỗi tổ viên phải chịu trách nhiệm thanh toán các khoản lỗ của quỹ tín dụng trong phạm vi cổ phần của mình. Nếu là tham ô, mất cắp thì người có khuyết điểm phải bồi thường.

Dự án chia lãi do Ban quản trị dự thảo, nhân viên kiểm soát xét lại và được đại hội toàn thể tổ viên hay đại hội đại biểu tổ viên thông qua mới được thi hành.

#### CHƯƠNG IV

### THÀNH LẬP HAY GIẢI TÁN QUỸ TÍN DỤNG

**Điều 16.** — Quỹ tín dụng được chính thức thành lập sau khi đã có chương trình điều lệ được đại hội tổ viên thông qua và được Ủy ban Hành chính huyện cho phép. Nếu vì lý do nào đó mà quỹ tín dụng phải ngừng hoạt động hay giải tán thì phải do Đại hội toàn thể tổ viên quyết định và Ủy ban Hành chính huyện thông qua. Trước khi giải tán, đại hội toàn thể tổ viên phải cử đại biểu cùng với cán bộ Ngân hàng tổ chức Ban Thanh toán để kiểm kê và thanh toán các khoản tiền nợ và tiền quỹ. Ban thanh toán làm việc xong phải báo cáo kết quả cho đại hội tổ viên.

#### CHƯƠNG V

### ĐIỀU KHOẢN PHỤ

**Điều 17.** — Mỗi quỹ tín dụng tổ chức ở miền núi sẽ căn cứ vào bản Quy tắc này mà định ra điều lệ của mình cho thích hợp.

**Điều 18.** — Cục Tín dụng nông thôn Ngân hàng trung ương chịu trách nhiệm giải thích bản Quy tắc này.

Ban hành theo nghị định số 181-VP-Ngđ  
ngày 5-12-1959

của Ngân hàng Quốc gia Việt nam

Tổng Giám đốc

Ngân hàng Quốc gia Việt nam

LÊ VIẾT LƯỢNG

### BỘ TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ số 47-TC/ST ngày 5-12-1959 quy định một số điểm cụ thể về việc thu thuế lợi tức doanh nghiệp và thuế doanh nghiệp đối với các tổ chức hợp tác thủ công nghiệp và tiểu thương.**

Căn cứ nghị quyết của Hội nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ và nghị định số 425 ngày 1-12-1959 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính quy định dưới đây một số điểm cụ thể về việc thu thuế lợi tức doanh nghiệp và thuế doanh nghiệp đối với các tổ chức hợp tác thủ công nghiệp và tiểu thương.

**1. Về tỷ lệ huy động cố định** (nói trong điều 3 bảng quy định tạm thời biện pháp thu thuế đối với Hợp tác xã thủ công).

— Nhằm khuyến khích phát triển sản xuất, cải tiến kỹ thuật, tỷ lệ huy động này được cố định trong thời gian từ đầu 1959 cho đến khi có chính sách thuế lợi tức mới đối với Hợp tác xã.

— Tỷ lệ huy động cố định tính riêng cho từng tổ chức hợp tác theo phương pháp sau:

— Căn cứ tình hình kinh doanh 6 tháng kể từ khi tổ chức hợp tác bắt đầu sản xuất kinh doanh, tìm ra thực lãi chịu thuế bình quân một xã viên (có trừ phí tồn sinh hoạt theo thể lệ hiện hành) (Riêng đối với các tổ chức hợp tác hoạt động trước năm 1959 thì thời gian 6 tháng tính từ tháng 1-1959).

— Đối chiếu thực lãi bình quân nói trên (sau khi quy ra cả năm theo thể lệ hiện hành) với biểu thuế lợi tức công nghiệp tìm ra số thuế một xã viên phải đóng.

— Chia số thuế 1 xã viên phải đóng cho số thực lãi bình quân 1 xã viên thành tỷ lệ huy động cố định cho tổ chức hợp tác.

Trong trường hợp nhiều tổ chức hợp tác sát nhập thành một tổ chức mới thì tỷ lệ huy động sẽ được tính lại căn cứ vào những số thực lãi đã dùng làm cơ sở để tìm tỷ lệ huy động của những tổ chức hợp tác cũ.

#### 2. Về thời hạn thu thuế:

Để thuận tiện cho việc đóng góp của tổ chức hợp tác, nay quy định:

— Đối với tổ chức hợp tác thủ công, thuế lợi tức tạm thu hàng tháng hay 3 tháng một lần, do chính quyền địa phương quyết định, việc thanh toán thuế sẽ tiến hành vào mỗi kỳ quyết toán lỗ lãi (3 tháng hoặc 6 tháng hoặc một năm) tùy theo nội quy của tổ chức hợp tác.